

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dân cư tập trung tổ dân phố 3, thị trấn Ea T'linh, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông của Công ty Cổ phần Bất động sản Hano-Vid

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dân cư tập trung tổ dân phố 3, thị trấn Ea T'linh, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông của Công ty Cổ phần Bất động sản Hano-Vid họp ngày 01/02/2021 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dân cư tập trung tổ dân phố 3, thị trấn Ea T'linh, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông đã được chỉnh sửa bổ sung kèm theo Công văn số 54/2021/CV-HNV/DA5 ngày 19/02/2021 của Công ty Cổ phần Bất động sản Hano-Vid;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 57/TTr-STNMT ngày 05 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:



Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dân cư tập trung tổ dân phố 3, thị trấn Ea T'linh, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Bất động sản Hano-Vid (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này; các nội dung bảo vệ môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thông báo kết quả hoàn thành công trình bảo vệ môi trường cho UBND tỉnh trước khi đưa dự án vào vận hành.

4. Thường xuyên kiểm tra hiệu suất của các hạng mục công trình xử lý môi trường để chất thải được xử lý đảm bảo theo quy chuẩn hiện hành.

5. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải và nước mưa chảy tràn tách biệt nhau; hoàn thiện hồ sự cố, kho chứa chất thải nguy hại, điểm tập kết rác thải sau khi phân loại rác tại nguồn trước khi dự án đi vào hoạt động. Không sử dụng chung hồ sự cố với các công trình điều hòa, thu gom hoặc thoát nước mưa tại dự án, cơ sở, khu công nghiệp (quy định tại điểm đ, khoản 3 Điều 12 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Điều 3. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về quy mô, công suất, công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt nhưng chưa đến mức phải lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án tự xem xét, quyết định, chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Trường hợp có thay đổi chủ dự án, chủ dự án mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và thông báo cho UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường biết.

Điều 4. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

* Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Được thành lập theo Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông) chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về nội dung tham mưu tại Quyết định này.



Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND huyện Cư Jút thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Môi trường;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT, CT, KH&CN, XD;
- UBND huyện Cư Jút;
- UBND thị trấn EaT'ling;
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hano-Vid;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, CTTĐT, KTN(LVT).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trọng Yên



PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG TỔ DÂN PHỐ 3, THỊ TRẤN EA T'LING,
HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
BẤT ĐỘNG SẢN HANO-VID

(Kèm theo Quyết định số 312 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án Khu dân cư tập trung tổ dân phố 3, thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.
- Vị trí thực hiện dự án: Tổ dân phố 3, thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.
- Tên chủ dự án: Công ty Cổ phần Bất động sản Hano-Vid.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 430 Cầu Am, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
- Người đại diện: Ông Nguyễn Thế Đạt. Chức vụ: Tổng giám đốc.
- Điện thoại: 0432484282.
- Vị trí địa lý của dự án: Dự án Khu dân cư tập trung tổ dân phố 3, thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút nằm ở phía Tây của Trung tâm huyện lỵ Cư Jút, thuộc địa giới hành chính của thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.
- Ranh giới dự án được xác định cụ thể như sau:
 - + Phía Bắc giáp với đường giao thông quy hoạch (chi giới 17m), đất nông nghiệp;
 - + Phía Nam giáp đường giao thông quy hoạch (chi giới 19m), đất nông nghiệp;
 - + Phía Tây giáp đất nông nghiệp;
 - + Phía Đông giáp đường giao thông quy hoạch (chi giới 24m), đất nông nghiệp.
- Tọa độ vị trí các điểm mốc giới hạn khu vực dự án, như sau:

STT	Mốc ranh	Tọa độ VN-2000 kinh tuyến trực 180°30', múi chiếu 3°	
		X (m)	Y (m)
1	R1	1393378	432743
2	R2	1393349	432818
3	R3	1393321	432893
4	R4	1393289	432977

STT	Mốc ranh	Tọa độ VN-2000 kinh tuyến trực 180°30', múi chiếu 3°	
		X (m)	Y (m)
5	R5	1393290	433028
6	R6	1393304	433061
7	R7	1393231	433088
8	R8	1393154	433099
9	R9	1393074	433091
10	R10	1392974	433099
11	R11	1392959	433084
12	R12	1392944	433005
13	R13	1392929	432926
14	R14	1392914	432848
15	R15	1392900	432769
16	R16	1392879	432660
17	R17	1392951	432646
18	R18	1392966	432725
19	R19	1392981	432804
20	R20	1392989	432849
21	R21	1393036	432894
22	R22	1393125	432877
23	R23	1393164	432856
24	R24	1393207	432803
25	R25	1393248	432694

Hiện trạng sử dụng đất của dự án:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất công trình nhà ở	1.752,0	1,50
2	Đất trồng cây lâu năm	74.768,2	64,15
3	Đất cây bụi cỏ	4.133,6	3,55
4	Đất trồng cây thân gỗ	1.410,8	1,21
5	Đất trồng hoa màu	3.662,8	3,14
6	Đất chưa sử dụng	16.898,4	14,50

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
7	Đất mặt nước	272,9	0,24
8	Sân bê tông	784,4	0,67
9	Đất hạ tầng thoát nước	3.834,1	3,29
10	Đất giao thông (đường đất)	9.032,2	7,75
	Tổng cộng	116.549,4	100,00

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Quy mô diện tích: 11,655 ha.
- Quy mô dân số: dự kiến dân số của khu quy hoạch khoảng 1.900 - 2.800 người;
- Số lô đất ở được phân lô chi tiết là 448 lô \approx 2.240 người (trung bình 5 người/lô).

Trong đó:

STT	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất ở		64.172,4	55,06
1	Đất ở nhà liền kề	LK	55.682,7	47,78
2	Đất ở biệt thự	BT	1.730,0	1,48
3	Đất ở hiện hữu cải tạo	O.HT	6.759,7	5,80
II	Đất công cộng		4.732,2	4,06
1	Đất nhà trẻ	CC1	3.185,8	2,73
2	Đất Tổ dân phố	CC2	1.546,4	1,33
III	Đất cây xanh		7.905,9	6,78
1	Đất cây xanh hoa viên	CX	4.877,0	4,18
1.1	Đất cây xanh hoa viên 1	CX.01	861,7	0,74
1.2	Đất cây xanh hoa viên 2	CX.02	3.266,2	2,80
1.3	Đất cây xanh hoa viên 3	CX.03	749,1	0,64
2	Đất cây xanh cách ly	CXCL.01	3.028,9	2,60
IV	Đất giao thông, hạ tầng		39.738,9	34,10
1	Đất xử lý nước thải	XLNT	983,1	0,85
2	Đất bãi xe	P	1.515,0	1,30
3	Đất giao thông		37.240,8	31,95
	Tổng cộng		116.549,4	100,00

Bảng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật khu vực dự án:

STT	Loại đất	Ký hiệu	Số lô	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao (min-max)	Hệ số sử dụng đất tối đa
I	Đất ở		448	64.172,4			
1	Đất ở nhà liền kề	LK	413	55.682,7	80	2-4	3,2
2	Đất ở biệt thự	BT	5	1.730,0	60	1-3	1,8
3	Đất ở hiện hữu cải tạo	O.HT	30	6.759,7	80	2-4	3,2
II	Đất công cộng			4.732,2			
1	Đất nhà trẻ	CC1		3.185,8	35	1-3	1,05
2	Đất Tổ dân phố	CC2		1.546,4	35	1-3	1,05
III	Đất cây xanh			7.905,9			
1	Đất cây xanh hoa viên	CX		4.877,0	5	0-1	0,05
2	Đất cây xanh cách ly	CXCL.01		3.028,9			
IV	Đất giao thông, hạ tầng			38.223,9			
1	Đất xử lý nước thải	XLNT		983,1	5	0-1	0,05
2	Đất bãi xe	P		1.515,0			
3	Đất giao thông			37.240,8			
Tổng cộng				116.549,4			

Thiết kế hệ thống giao thông khu vực dự án:

STT	Tên đường	Mặt cắt	Chiều dài đường (m)	Chiều rộng (m)			Diện tích (m ²)		
				Lộ giới	Lòng đường	Via hè	Lộ giới	Lòng đường	Via hè
A	Giao thông theo quy hoạch chung và giao thông đối ngoại								
1	Đường số 11	1-1	418,78	24	14	5x2	10.051	5.863	4.188
2	Đường số 32	2-2	255,48	17	7	5x2	4.343	1.788	2.555
B	Giao thông đối nội trong khu quy hoạch								
3	Đường số 30	4-4	206,36	13	7	3x2	2.683	1.445	1.238
4	Đường số 28	4-4	142,30	13	7	3x2	1.850	996	854
5	Đường số 24	4-4	346,92	13	7	3x2	4.510	2.428	2.082
6	Đường số 15	4-4	257,40	13	7	3x2	3.346	1.802	1.544
7	Đường số 9	3-3	280,63	15	7	4x2	4.209	1.964	2.245
8	Đường D1	4-4	97,74	13	7	3x2	1.271	684	586

STT	Tên đường	Mặt cắt	Chiều dài đường (m)	Chiều rộng (m)			Diện tích (m ²)		
				Lộ giới	Lòng đường	Vĩa hè	Lộ giới	Lòng đường	Vĩa hè
9	Đường số 26	6-6	605,77	9	-	9	5.452	0	5.452
10	Đường số 7	3-3	67,93	15	7	4x2	1.019	476	543
11	Đường số 3	3-3	66,68	15	7	4x2	1.000	467	533
12	Đường D2	5-5	35,50	9	4	2.5x2	320	142	178
Tổng cộng			2.745,99				40.053	18.055	21.998

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

2.1.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

- Khí thải, bụi, tiếng ồn từ hoạt động đào đắp đất, san gạt; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, tập kết vật liệu xây dựng; máy móc thi công.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng.

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân và thi công xây dựng Dự án.

- Tác động đến cộng đồng, an ninh trật tự, kinh tế-xã hội địa phương; tác động đến nguồn nước ngầm; tác động do giải phóng mặt bằng, chiếm dụng đất, di dời, tái định cư và các tác động do các rủi ro, sự cố do hoạt động thi công xây dựng của Dự án.

2.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt của người dân.

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông; mùi hôi từ bãi tập kết rác thải; khí sinh học từ hệ thống xử lý nước thải của dự án.

- Chất thải rắn sinh hoạt; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của dự án.

- Chất thải nguy hại dạng rắn, chất thải nguy hại dạng lỏng

- Tác động đến hạ tầng giao thông tại khu vực dự án.

- Tác động đến kinh tế - xã hội địa phương.

2.2. Quy mô, tính chất chất thải của dự án

2.2.1. Nước thải

a) Giai đoạn triển khai xây dựng

* Nước mưa chảy tràn:

Nước mưa chảy tràn trong giai đoạn xây dựng của dự án được dự báo với khối lượng khoảng 82,7 m³/giờ.

Khi thời tiết có mưa xảy ra thì với mặt đất bị đào đắp, sẽ gây ra một số tác động xấu như làm xói mòn và cuốn trôi đất đá xuống khu vực canh tác nông nghiệp của người dân ảnh hưởng tới năng suất cây trồng.

* Nước thải sinh hoạt của 30 công nhân thi công xây dựng với lưu lượng phát sinh khoảng $3\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần: TSS, BOD, COD, tổng nitơ, tổng photpho, coliform, Amoni,...

b) Giai đoạn vận hành

* Nước mưa chảy tràn:

- Quy mô, khối lượng: Nước mưa chảy tràn trong giai đoạn hoạt động của dự án được dự báo với khối lượng khoảng $101,365\text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Tính chất: Các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng, các chất dinh dưỡng cuốn theo nước mưa có nguy cơ gây ô nhiễm nếu không được thu gom, xử lý đảm bảo.

* Nước thải sinh hoạt:

- Quy mô, khối lượng: Khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn hoạt động khoảng $235,5\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Tính chất: Chứa các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, các hợp chất dinh dưỡng (N,P), vi khuẩn,... các chất này gây hiện tượng phú dưỡng hóa nguồn nước làm ảnh hưởng đến chất lượng nước gây tác hại cho đời sống các sinh vật thủy sinh nếu không được xử lý mà thải trực tiếp ra ngoài.

2.2.2. Bụi, khí thải

a) Giai đoạn triển khai xây dựng

Khí thải, bụi từ hoạt động đào đắp đất, san gạt; trộn bê tông; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, tập kết vật liệu xây dựng; máy móc thi công. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO_2 , NO_2 , CO ,...

b) Giai đoạn vận hành

* Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện đi lại của người dân, phương tiện thu gom rác, hoạt động nấu ăn của người dân,....

- Quy mô: Tác động trực tiếp đến môi trường không khí trên các tuyến đường vận chuyển, trong nhà.

- Tính chất: Có chứa các chất ô nhiễm như bụi, SO_2 , CO , NO_x

* Mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung và các điểm tập kết rác thải.

- Quy mô và vùng có thể bị ảnh hưởng: Môi trường không khí trong và xung quanh khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung, khu vực tập kết rác thải.

- Tính chất: Mùi hôi phát sinh từ các nguồn nói trên chủ yếu là khí NH_3 , H_2S , CH_4 ,

2.2.3. Chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn triển khai xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của 30 công nhân với khối lượng khoảng $12\text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm: thức ăn dư thừa, nilon, chai lọ, giấy thải bỏ,...

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ quá trình thi công xây dựng, với khối lượng khoảng 0,307 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: cát, đá rơi vãi, gạch vỡ, gỗ, sắt, xà bần, dây điện,...

b). Giai đoạn vận hành

* Chất thải rắn sinh hoạt

- Quy mô, khối lượng: Trong giai đoạn hoạt động tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của dự án khoảng 1,79 tấn/ngày.

- Tính chất, thành phần: Chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy và các loại bao bì, giấy, bìa carton, chai lọ đựng thức ăn, đồ uống,...

* Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

- Quy mô, khối lượng: Khoảng từ 12 m³/tháng.

- Tính chất: Bùn thải từ bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải tập trung là hợp chất đã được lên men yếm khí, có tính chất hữu cơ với độ mùn cao, dễ phân hủy.

2.2.4. Chất thải nguy hại

a) Giai đoạn triển khai xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc trong suốt thời gian thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu gồm: dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu,... khối lượng khoảng 70 kg.

Bóng đèn huỳnh quang bị hỏng; khối lượng khoảng 5kg.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại từ quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân trang trại:

Quy mô, khối lượng: Ước tính khối lượng chất thải này phát sinh khoảng 1,79 kg/ngày.

Tính chất, thành phần: Chất thải nguy hại chủ yếu gồm các loại bóng đèn huỳnh quang bị hỏng, pin các loại, sạc điện thoại,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

* *Nước mưa chảy tràn*

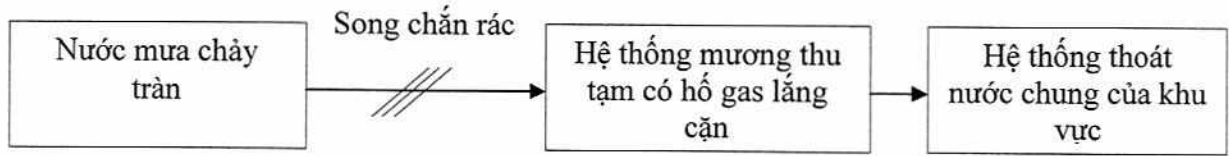
- Tiến hành đào các mương đất song song với hệ thống giao thông và các hố lắng tạm thời để thu gom nước mưa chảy tràn trên mặt bằng khu đất trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Thi công đến đâu gọn đến đâu, không dàn trải trên toàn bộ diện tích nhằm hạn chế lượng mưa kéo theo chất bẩn, nhất là vào mùa mưa.

- Các phương tiện thi công, vận chuyển đến thời kỳ bảo dưỡng cần đưa đến các xưởng sửa chữa cơ khí, gara để sửa chữa và thay thế. Không tiến hành sửa chữa, thay dầu

mỡ trên khu vực công trường nhằm hạn chế tới mức thấp nhất sự rơi vãi của các loại dầu mỡ ra môi trường.

- Quản lý ngăn chặn rò rỉ xăng dầu và vật liệu độc hại do phương tiện vận chuyển gây ra.



* Nước thải sinh hoạt:

Để giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt gây ra, dự án áp dụng những biện pháp sau:

- Sử dụng lao động địa phương có điều kiện tự túc ăn ở, đi lại để giảm lượng nước thải sinh hoạt của công nhân.

- Nước thải sinh hoạt của các công nhân ở lại khu lán trại được xử lý bằng 2 nhà vệ sinh di động Composite loại dùng cho công trình xây dựng, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo định kỳ 6 tháng/lần.

3.1.2. Giai đoạn vận hành

* Hệ thống xử lý nước mưa chảy tràn

- Nước mưa trên mái nhà, sân của các hộ gia đình được thu gom theo quy định khi các hộ gia đình xây dựng nhà và được thu gom hệ thống mương chính dọc theo lề đường.

- Nước mưa chảy tràn trên sân, đường sẽ thu gom vào hệ thống mương chính dọc theo lề đường.

- Nước mưa trên mái sẽ thu bằng hệ thống máng thu và chảy vào hệ thống ống PVC D90 và đấu nối vào mương thu mặt đất.

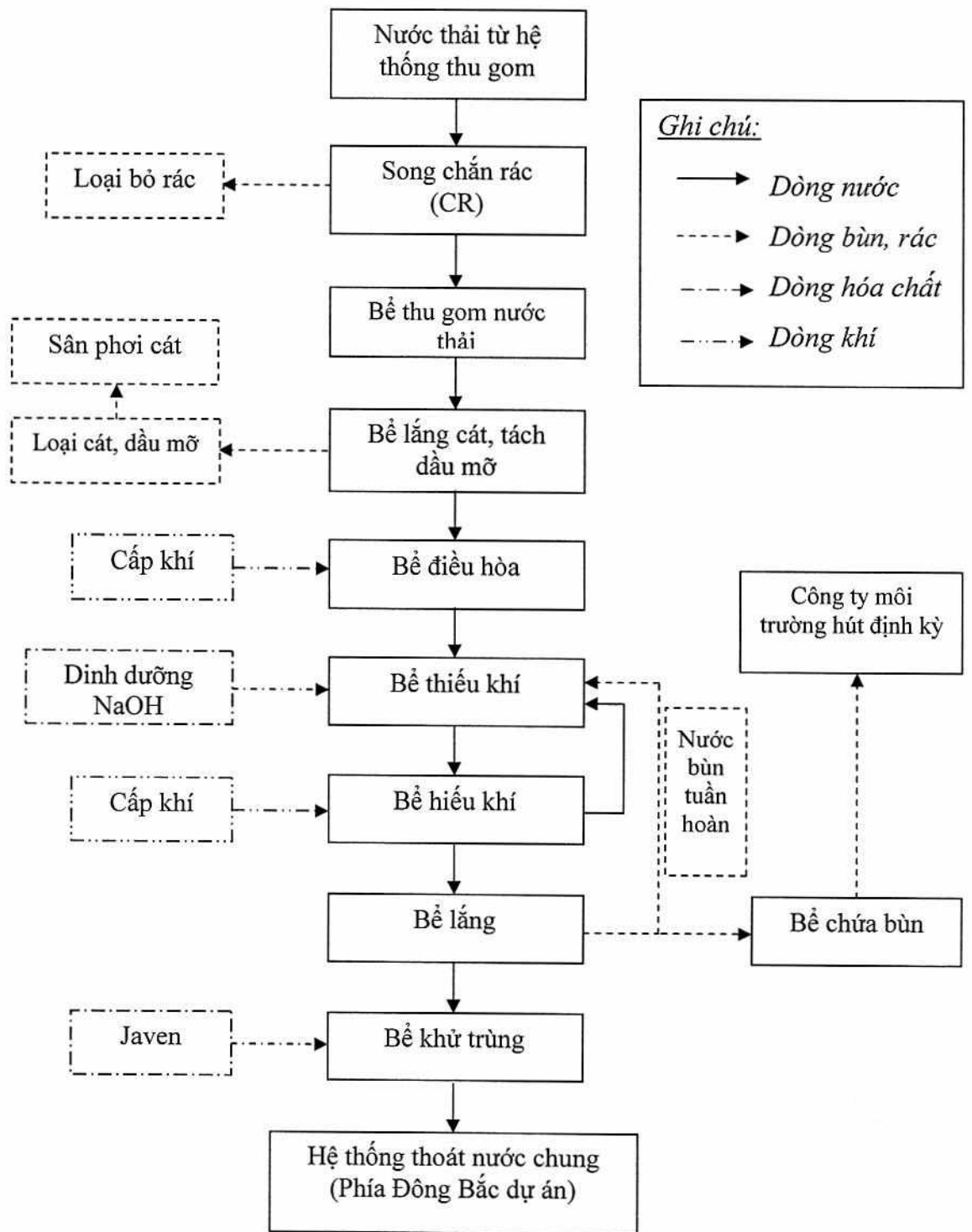
- Trực chính thoát nước mưa vào mương phía Đông Bắc dự án bằng đường ống bê tông cốt thép ly tâm, đường kính Ø400, Ø600, Ø800, Ø1500, Ø2000; Bố trí 2 cửa thu nước để gom nước từ các mương nước hiện hữu chảy qua khu quy hoạch, khẩu độ cống bố trí theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt. Bố trí 1 cửa xả đảm bảo thoát nước nhanh và hiệu quả.

* Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

Từng công trình nhà ở riêng biệt của hộ dân sẽ xây dựng bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, kích thước khoảng 3-4 m³/bể, sau đó đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

Đối với nhà trẻ xây dựng 2 bể tự hoại 3 ngăn kích thước 3-4m³ để xử lý sơ bộ, sau đó đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

Quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, quy mô xử lý 285 m³/ngày đêm:



- Lưu lượng trung bình mỗi giờ: $11,875 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Tính cho lưu lượng lớn nhất là $12 \text{ m}^3/\text{h}$ thì kích thước các bể như sau:
 - + Bể thu gom: Kích thước $D \times R \times H = 3,5 \text{ m} \times 3 \text{ m} \times 1,5 \text{ m}$.
 - + Bể tách cát, dầu mỡ: Kích thước $D \times R \times H = 2 \text{ m} \times 1,8 \text{ m} \times 2,5 \text{ m}$.
 - + Bể điều hòa: Kích thước $D \times R \times H = 7,5 \text{ m} \times 7 \text{ m} \times 4,5 \text{ m}$.
 - + Bể thiếu khí (Anoxic): Kích thước $D \times R \times H = 4,5 \text{ m} \times 3,5 \text{ m} \times 4,5 \text{ m}$.
 - + Bể hiếu khí (MBBR): Kích thước $D \times R \times H = 5 \text{ m} \times 5 \text{ m} \times 4,5 \text{ m}$.

- + Bể lắng sinh học: Kích thước D_xR_xH = 4m x 3,5m x 4,6m.
- + Bể khử trùng: Kích thước D_xR_xH = 2,3m x 1,5m x 4,5m.
- + Bể chứa bùn: Kích thước D_xR_xH = 3,5m x 3,3m x 4,5m.
- + Bể phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường.

3.2. Về thu gom và xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

* Giảm thiểu bụi từ quá trình vận chuyển:

- Điều tiết lượng xe, có kế hoạch vận chuyển phù hợp.
- Bố trí phương tiện vận chuyển không vận chuyển vào giờ cao điểm, giờ tan trường của học sinh như: 6h30 – 7h30, 10h30 – 11h30, 13h – 14h, 16h – 17h30, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu ảnh hưởng đến người dân dọc tuyến đường vận chuyển.

- Xe không được chở quá tải trọng cho phép, không được chở quá khổ cho phép của xe.

- Quy định vận tốc tối đa của xe ngoài công trường là 40km/h; trong công trường là 5km/h.

- Tận dụng đất đá trong quá trình đào, san ủi làm đất đắp ngay tại công trình của dự án để hạn chế vận chuyển nguyên liệu đất đắp từ nơi khác tới.

- Dùng bạt che chắn phương tiện vận chuyển đất đá để tránh đất đá rơi vãi trên đường, phát sinh bụi nhiều hơn.

- Máy móc, thiết bị, xe vận chuyển sau khi làm việc phải được rửa sạch sẽ, tránh gây vương vãi đất cát gây ô nhiễm bụi.

- Cho xe bồn tưới nước các đoạn đường vận chuyển vào những ngày khô nóng để giảm lượng bụi phát sinh. Tần suất tưới nước tối thiểu 1 ngày 2 lần tại những nơi phát sinh nồng độ bụi thấp và 4 lần/ngày đối với những nơi phát sinh nồng độ bụi cao, đặc biệt là các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu, tuyến đường đang sửa chữa, nâng cấp có đi qua khu đông dân cư.

* Giảm thiểu ô nhiễm bụi từ hoạt động xây dựng các hạng mục công trình

- Tất cả các máy móc, thiết bị và phương tiện dùng trong quá trình san gạt phải được bảo dưỡng thường xuyên để giảm thiểu sự phát sinh bụi và khí thải.

- Bố trí thời gian thực hiện hợp lý để giảm thiểu tác động do bụi gây ra.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân thi công tại những khu vực có phát sinh nhiều bụi.

- Thường xuyên tưới nước ở những khu vực phát sinh bụi cao, đặc biệt trong những ngày khô nóng để giảm bớt bụi. Tần suất tối thiểu 2 lần/ngày.

- Tiến hành san gạt nhanh chóng để tránh phát tán bụi kéo dài.

* Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải

- Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị sử dụng phải có giấy phép hoạt động của Cục Đăng kiểm Việt Nam, bao gồm cả đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật môi trường.

- Tổ chức xây dựng hợp lý bao gồm việc lập phương án thi công, tiến độ thi công lựa chọn tuyến đường vận chuyên, loại phương tiện vận chuyên... để giảm đáng kể khí thải và bụi.

- Đối với xe có tải trọng lớn, phải lập kế hoạch chi tiết và hợp lý về thời điểm tham gia giao thông, tránh ùn tắc và gây ô nhiễm không khí.

- Các phương tiện vận chuyên hạn chế nổ máy trong thời gian dừng chờ bốc dỡ nguyên vật liệu, xe không chở quá trọng tải quy định của nhà sản xuất. Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ phương tiện vận tải và thiết bị thi công.

3.2.2. Giai đoạn vận hành

- Bố trí khu vực đất cây xanh công viên, cây xanh cảnh quan, cây xanh trước các khu vực công trình công cộng như bồn hoa, vườn cỏ, dọc theo tuyến đường giao thông... với diện tích là 4.877m^2 . Quy hoạch khu vực cây xanh cách ly với diện tích là: $3.028,9\text{m}^2$. Đảm bảo tổng diện tích cây xanh đạt 6,78% diện tích của khu dân cư.

- Các tuyến đường nội bộ trong khu dân cư sẽ được xây dựng bê tông hóa.

- Vận động người dân trong khu dân cư tham gia dọn vệ sinh các tuyến đường trong khu vực, khai thông công rãnh.

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn

3.3.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

* Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn xây dựng

- Yêu cầu các nhà thầu thực hiện quản lý chất thải rắn theo đúng quy định của Nghị định 59:2007/NĐ-CP về quản lý chất thải rắn.

- Phế thải như sắt thép vụn, các loại gỗ vụn, vỏ bao xi măng, thùng đóng gói thiết bị, máy móc, hộp xốp... sẽ được thu gom, phân loại và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Khối lượng đất đá trong quá trình đào sẽ được tận dụng để đắp vào các hạng mục như: san nền, rải lót đường...

- Còn lại lượng đất còn thừa trong quá trình đào đắp sẽ được cung cấp cho các đơn vị, cá nhân có nhu cầu đất san lấp trên địa bàn, phần còn lại sẽ được đổ thải tại vị trí bãi thải được chủ dự án thỏa thuận với UBND của huyện.

* Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do chất thải sinh hoạt

Để giảm thiểu ô nhiễm do chất thải sinh hoạt của công nhân gây ra, dự án áp dụng những biện pháp sau:

- Bố trí thùng rác (240 lít) tại khu lán trại công nhân, hợp đồng với Hợp tác xã môi trường Quyết Thắng đến thu gom và xử lý định kỳ.

- Lập nội quy tại công trường, góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong mỗi người công nhân lao động.

- Tuyên truyền giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh của công nhân xây dựng, tránh việc vứt rác bừa bãi gây mất vệ sinh và mỹ quan.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

* *Chất thải rắn sinh hoạt:*

Bố trí 25 thùng rác khác màu nhau có dán nhãn để thực hiện việc phân loại rác và hợp đồng với đơn vị thu gom với Hợp tác xã môi trường Quyết Thắng để thu gom định kỳ.

+ Chất thải rắn sinh hoạt có thể tái sử dụng như: giấy, chai lọ, bao bì, kim loại, hộp nhựa,... sẽ được thu gom tập trung vào thùng màu đen rồi bán phế liệu.

+ Chất thải rắn sinh hoạt có nguồn gốc từ thực vật như: thực phẩm dư thừa từ quá trình chế biến thức ăn, vỏ trái cây, lá cây,... được thu gom riêng vào thùng màu xanh.

+ Chất thải rắn không thể tái chế thu gom vào thùng màu nâu.

* *Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt*

Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước của dự án sau khi được phân định nếu không chứa thành phần chất thải nguy hại thì quản lý như chất thải thông thường; nếu chứa thành phần chất thải nguy hại thì quản lý như chất thải nguy hại.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

3.4.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

- Hạn chế việc sửa chữa máy móc, phương tiện vận chuyển tại công trường (chỉ sửa chữa trong trường hợp sự cố).

- Phương án thu gom:

+ Sử dụng xô tôn, khay, phễu, thùng phuy 200 lít cất bỏ đáy trên và thùng phuy 200l nguyên chiếc để lưu chứa.

+ Đối với giẻ lau dính dầu thu gom hằng ngày, được đưa vào thùng phuy cất bỏ đáy trên.

+ Đối với dầu thải (trong trường hợp có sự cố phải sửa chữa tại chỗ), thực hiện thu gom ngay tại chỗ, dầu thải được tháo và hứng vào xô sau đó được rót qua phễu vào các phuy chứa nguyên chiếc có nắp đậy kín.

+ Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện, thiết bị được thực hiện tại các garage trên địa bàn thị trấn Ea T'ling, các chất thải phát sinh sẽ do các chủ garage thu gom và xử lý.

Kết thúc giai đoạn xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh sẽ được vận chuyển về kho chứa chất thải nguy hại để lưu chứa và quản lý theo đúng quy định, định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định. Công tác thu gom, lưu giữ quản lý chất thải nguy hại chủ dự án sẽ



tuân thủ theo hướng dẫn tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

Yêu cầu chủ dự án trước khi đưa dự án đi vào vận hành bố trí diện tích xây dựng 01 kho chứa để lưu trữ chất thải nguy hại. Định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng các quy định hiện hành.

- Về kho lưu chứa: Kho chứa chất thải nguy hại của trang trại được xây dựng theo TCVN 4317:1986 - Nhà kho - nguyên tắc cơ bản thiết kế và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 như sau:

+ Sàn trong khu vực lưu trữ chất thải nguy hại được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

+ Có sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm,...

+ Có mái che nắng mưa, phân chia ô hoặc thùng chứa riêng đối với từng loại chất thải nguy hại.

+ Lắp đặt các biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009.

- Về các thiết bị lưu chứa: đề nghị chủ dự án trước khi đưa dự án đi vào vận hành chính thức đầu tư 01 thùng chứa chất thải nguy hại dạng rắn có dung tích 60lít, màu vàng, thùng chứa đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

+ Vỏ có khả năng chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với chất thải nguy hại chứa bên trong, có khả năng chống thấm hoặc thẩm thấu, có gia cố hoặc thiết kế đặc biệt tại điểm tiếp nối và vị trí xếp, dỡ hoặc nạp, xả chất thải để tránh rò rỉ.

+ Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

+ Có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 30 (ba mươi) cm mỗi chiều, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, an ninh trật tự, an toàn giao thông và các ô nhiễm khác

3.5.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

* Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:

- Sắp xếp thời gian thi công hợp lý.

- Sử dụng xe vận chuyển, máy móc thiết bị có giấy phép hoạt động và đạt tiêu chuẩn chất lượng môi trường.

- Bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

- Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng từ đó đặt ra lịch thi công phù hợp đảm bảo tiếng ồn trong giới hạn cho phép.

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực đang thi công và khu dân cư.

* Biện pháp giảm thiểu tác động đến văn hóa, kinh tế và xã hội, an ninh trật tự:

- Sử dụng nhân công tại địa phương.
- Hướng dẫn công nhân thực hiện nội quy về cách ứng xử văn hóa khi tiếp xúc với người dân địa phương.
- Cấm các hoạt động tệ nạn xã hội như: buôn lậu, sử dụng ma túy, bài bạc, tuyên truyền đạo... đối với các công nhân thi công tại dự án.
- Phối hợp với lực lượng Công an thị trấn Ea T'ling kiểm tra công tác cư trú, khai báo tạm trú cho công nhân và các tình hình khác liên quan đến an ninh trật tự đối với công nhân thi công tại dự án.

* Biện pháp giảm thiểu tác động đến hoạt động giao thông:

- Lập kế hoạch, bố trí thời gian lưu thông trên tuyến đường hợp lý để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động đi lại của người dân.
- Điều tiết, bố trí xe vận chuyển hợp lý, hạn chế hoạt động vào giờ cao điểm tránh tắc nghẽn trên các tuyến đường và đảm bảo an toàn giao thông (đặc biệt là đoạn đường bê tông đi qua quảng trường vào dự án).
- Không chở quá tải, tránh gây hư hỏng, lún sụt nền đường; trong trường hợp đường bị hư hỏng do quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng hoặc các tải trọng bất thường phải bồi thường hoặc sửa chữa kịp thời đảm bảo chất lượng chất lượng đường hiện trạng trước khi thi công.

3.5.2. Giai đoạn vận hành

* Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:

- Trồng cây xanh dọc theo các tuyến đường giao thông, đảm bảo đủ diện tích, số lượng.
- Hạn chế tốc độ xe khi hoạt động trong khu dân cư.
- Cấm sử dụng còi xe trong thời gian từ 22h đến 5h hàng ngày.

* Biện pháp giảm thiểu tác động do giao thông vận tải:

- Quản lý xe lưu thông trên đường, xe phải có đăng kí và đạt tiêu chuẩn bảo vệ môi trường.
- Xe chạy đúng tốc độ, đúng tải trọng, đúng làn đường cho phép.
- Người điều khiển phương tiện phải chấp hành đúng luật giao thông đường bộ, hạn chế tối đa tai nạn xảy ra.

* Biện pháp giảm thiểu tác động đến hạ tầng kỹ thuật khu vực:

- Phối hợp với cơ quan chức năng quản lý giao thông đường bộ để lắp đặt các biển báo an toàn giao thông tại các điểm nút, điểm đầu nối với đường giao thông khu vực.



- Đầu nối hệ thống thoát nước mưa của khu dân cư vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực phải tuân theo các quy định của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải.

- Thường xuyên vận động nhân dân trong khu dân cư tham gia dọn vệ sinh các tuyến đường trong khu vực (thu dọn các chất bẩn, rác, lá cây trên bề mặt), khai thông cống rãnh, các hố ga thu nước vào đầu mùa mưa trên các tuyến đường trong khu dân cư, đảm bảo không bị tắc nghẽn hệ thống thoát nước khu vực hay gây ngập úng cục bộ khi có lượng mưa lớn.

* Biện pháp giảm thiểu tác động đến hạ lưu khu vực thoát nước (cửa xả):

- Xây dựng các hạng mục công trình thoát nước mưa; thu gom, xử lý nước thải của dự án theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

- Xây dựng 2 cửa thu nước để gom nước mưa chảy qua khu vực dự án, khẩu độ cống bố trí theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

- Xây dựng 1 cửa xả đảm bảo thoát nước nhanh và hiệu quả, không gây xói lở, sạt lở cho khu vực hạ lưu.

* Biện pháp giảm thiểu tác động đến tài nguyên sinh học, vi khí hậu:

- Trồng cây xanh dọc theo tuyến đường giao thông, khu vực đất cây xanh công viên, cây xanh cảnh quan, cây xanh trước các khu vực công trình công cộng như bồn hoa, vườn cỏ, khu vực cây xanh cách ly trong khu dân cư. Đảm bảo tổng diện tích cây xanh đạt 6,78% diện tích của khu dân cư.

- Phối hợp với công ty vệ sinh môi trường thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt, tránh vứt rác bừa bãi, hoạt động tự đốt rác của người dân có thể phát sinh một lượng lớn khí nhà kính ra môi trường. Nghiêm cấm các hành vi vứt rác bừa bãi nhất là vứt rác xuống khe suối và Hồ Trúc chạy dọc phía Đông khu dân cư.

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường không khí tại khu dân cư.

- Xây dựng bể tự hoại 3 ngăn theo từng hộ gia đình để xử lý nước thải sinh hoạt cho khu dân cư.

* Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế:

- Chủ đầu tư tiến hành triển khai, giám sát, đánh giá về sự ổn định xã hội và phát triển kinh tế của người dân.

- Tăng cường khả năng khôi phục, duy trì và sử dụng các nguồn lực tự nhiên, xã hội, con người và tài chính của cộng đồng một cách bền vững sau khi chịu tác động bởi dự án này.

- Người dân có quyền lựa chọn các mô hình sinh kế mà mình mong muốn:

+ Đối với hộ dân vẫn còn đất canh tác nông nghiệp ở nơi khác. Chủ đầu tư phối hợp với cơ quan chức năng địa phương tổ chức hội thảo tập huấn kỹ thuật chăm sóc cây trồng, chăn nuôi gia súc có hiệu quả, mang lại nguồn thu nhập tốt hơn.

+ Tạo điều kiện cho các hộ muốn chuyển đổi sang loại hình kinh doanh dịch vụ tại khu vực.

* Biện pháp giảm thiểu tác động đến xã hội:

- Hỗ trợ các hộ dân có diện tích bị giải tỏa, thu hồi ổn định cuộc sống.
- Tổ chức giao lưu giữa các hộ dân tại khu vực nhằm tăng tinh thần đoàn kết.
- Phối hợp với chính quyền địa phương phân chia tổ dân phố, dân phòng đảm bảo công tác quản lý, công tác an ninh khu vực.
- Tổ chức các hoạt động nâng cao đời sống văn hóa của khu dân cư.
- Thực hiện tuyên truyền bài trừ các tệ nạn xã hội.

3.6. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

3.6.1. Giai đoạn vận hành

* Đối với rủi ro tai nạn giao thông:

- Trên các tuyến đường nội bộ của Khu dân cư phải được sơn kẻ đường, lắp đặt các biển báo hiệu đường bộ theo đúng thiết kế (dùng biển tiêu chuẩn và sơn phản quang).

- Tổ chức tuyên truyền để hướng dẫn mọi người phải tuyệt đối chấp hành các quy định về an toàn giao thông.

- Cấm các xe có tải trọng lớn lưu thông trong các tuyến đường nội bộ của khu dân cư, để hạn chế sụt lún, hư hỏng mặt đường.

* Đối với sự cố cháy nổ:

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về an toàn cháy nổ.
- Thiết kế, sử dụng các thiết bị điện trong nhà đúng tiêu chuẩn.
- Các cơ sở kinh doanh dịch vụ có tính chất dễ gây cháy nổ phải có chứng nhận phòng cháy chữa cháy.

- Xây dựng hệ thống phòng cháy chữa cháy trong khu dân cư.

* Đối với sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Hệ thống xử lý được thiết kế đảm bảo các yêu cầu an toàn về kỹ thuật.
- + Hệ thống điện được lắp đặt và vận hành theo đúng các tiêu chuẩn quy định của ngành.

+ Trang bị máy móc, thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải: bơm hóa chất, bơm bùn, bơm nước thải...

+ Các bể công trình xử lý nước thải đều có nắp bê tông đậy kín hạn chế mùi hôi có khả năng phát sinh.

+ Công suất thiết kế cho hệ thống xử lý nước thải có tính đến hệ số không điều hòa $K_{ng} = 1,2$.

- Có bản hướng dẫn về quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải an toàn tại khu vực trạm xử lý nước thải.

- Hệ thống xử lý được vận hành tuân thủ theo đúng quy trình và kỹ thuật.

- Việc quản lý và vận hành trạm xử lý nước thải sẽ do một bộ phận chuyên trách đã qua đào tạo và huấn luyện.

- Trang bị một số thiết bị test nhanh các thông số cơ bản như pH, DO, chỉ số thể tích bùn SVI cần thiết để phục vụ việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ 1 tuần/lần và bảo dưỡng toàn hệ thống định kỳ 3 tháng/lần.

- Thực hiện việc giám sát, lấy mẫu nước thải đầu ra để đánh giá hiệu quả xử lý, chất lượng nước thải đầu ra với tần suất 3 tháng/lần.

- Để phòng ngừa, ứng phó sự cố khi hệ thống xử lý nước thải tập trung xảy ra sự cố như: chập điện, hư hỏng máy móc thiết bị, nứt vỡ đường ống... yêu cầu chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt hoàn thiện thiết kế hồ sơ cố và triển khai xây dựng trước khi dự án đi vào hoạt động. Không sử dụng chung hồ sơ cố với các công trình điều hòa, thu gom hoặc thoát nước mưa tại dự án, cơ sở, khu công nghiệp (điểm đ, khoản 2 Điều 12 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019).

* Đối với rủi ro do thiên tai: Do đặc điểm điều kiện thời tiết và quy luật vận động của tầng khí quyển, trong thời điểm giao mùa thường xảy ra các hiện tượng cực đoan gây thiệt hại về tài sản và tính mạng của người dân. Để phòng ngừa và giảm thiểu các tác động khi sự cố xảy ra có thể áp dụng những biện pháp sau:

- Thường xuyên theo dõi thông tin về diễn biến thời tiết để chủ động ứng phó khi có thiên tai xảy ra.

- Đối với những nhà cao tầng, phải thiết kế cột chống sét để tránh thiệt hại do sét gây ra.

- Khi có thiên tai xảy ra, phối hợp với chính quyền địa phương hỗ trợ người dân chủ động phòng chống.

- Nhanh chóng khắc phục hậu quả sau thiên tai.

3.7. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

Giảm thiểu tác động do việc chiếm dụng đất, di dời, tái định cư: Nghiêm túc thực hiện theo Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất cụ thể đối với từng loại đất làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư tập trung Tổ dân phố 3 tại thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án được thể hiện trong bảng bên dưới.

STT	Hạng mục	Công trình/Biện pháp	Số lượng	Quy mô	Quy trình
1	Nước mưa chảy tràn	Cống bê tông cốt thép	3.662m	Ống BTCT D400-D2000	Nước mưa chảy tràn trên mặt đường được thu gom vào hệ thống cống thoát nước mưa qua các cửa thu nước
		Hố ga	166 hố ga	Kích thước: DxRxH = 1x1x0,1 (m)	Lắng cặn, điều tiết dòng chảy
		Cửa thu nước (hố thu)	166 cái		Thu gom nước mưa từ trên mặt đường về hố ga
		Lưới chắn rác	166 cái		Chắn rác, đất đá, cành cây trước khi nước chảy vào hố ga và ra nguồn tiếp nhận
2	Nước thải sinh hoạt	Bể tự hoại	Theo hộ gia đình		Xử lý sơ bộ nước thải từ bồn xí, tiểu
		Hệ thống thu gom nước thải sau bể tự hoại	2.935m	Ống HDPE D225-D315	Đầu nổi, thu gom nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại của các hộ gia đình về hệ thống xử lý nước thải tập trung
		Hệ thống ống chờ đầu nổi	290m	Ống PVC D114	
		Hố ga và lắp tấm đan	145 cái	Bê tông đúc sẵn TL≤250kg	
		Hệ thống xử lý nước thải tập trung	01 hệ thống	Công suất: 285 m ³ /ngày	Sử dụng công nghệ AO & MBBR nhằm loại bỏ các chất ô nhiễm hữu cơ, dầu mỡ trong nước thải sinh hoạt trước khi thải ra nguồn tiếp nhận
3	Bụi, khí thải, tiếng ồn	Cây xanh	7.905,9 m ²	Bố trí diện tích cây xanh đạt 6,78% tổng diện tích dự án	Giảm thiểu bụi trong khuôn viên dự án, điều hòa vi khí hậu khu vực
4	Chất thải rắn sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại tại hộ gia đình và được thu gom bằng xe ép rác. - Đầu tư 25 thùng rác tập trung. - Thu gom hàng ngày bằng thùng rác, túi rác. - Phối hợp với công ty vệ sinh môi trường xây dựng tuyến thu gom rác thải sinh hoạt tại khu dân cư. 			
5	Tai nạn giao thông	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt các biển báo an toàn giao thông tại các điểm nút, điểm đầu nổi với đường giao thông khu vực - Sơn kẻ đường bằng sơn dẻo nhiệt phản quang, dày 1,5mm (1.224,4m²) 			



* **Giám sát chất thải nguy hại:**

- Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải nguy hại: dầu mỡ rò rỉ, pin, ắc quy thải,...
- Theo dõi khối lượng phát sinh các loại chất thải nguy hại.
- Giám sát các biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu các tác động của chất thải nguy hại.

5.1.2.2. Giám sát giai đoạn hoạt động của dự án

* **Giám sát nước thải sinh hoạt:**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí - tại điểm xả thải ra môi trường sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu dân cư.
- Thông số giám sát: pH; BOD₅, COD, TSS, H₂S, NH₃⁺, NO₃²⁻, PO₄³⁻, Dầu mỡ động thực vật, Tổng Coliform.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

* **Giám sát chất thải rắn, việc phân loại rác tại nguồn**

- Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải rắn: rác sinh hoạt có được phân loại rác tại nguồn hay không.
- Theo dõi khối lượng phát sinh các loại chất thải rắn.
- Giám sát các biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu các tác động của chất thải rắn.

* **Giám sát chất thải nguy hại**

- Kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải nguy hại: dầu mỡ rò rỉ, pin, ắc quy thải...
- Theo dõi khối lượng phát sinh các loại chất thải nguy hại.
- Giám sát các biện pháp thu gom, xử lý, giảm thiểu các tác động của chất thải nguy hại.

* *Giám sát khác:*

Giám sát thường xuyên đối với hệ thống thu gom xử lý nước mưa, nước thải; các nguy cơ của hệ thống xử lý nước thải khi nước mưa tràn vào có thể gây quá tải, tràn nước thải ra ngoài, sự cố vỡ bờ hồ của các hạng mục xử lý... giám sát các thiết bị phục vụ cho vận hành hệ thống xử lý nước thải (máy thổi khí, máy khuấy, máy châm Clo..) và các biện pháp khắc phục kịp thời; giám sát việc bồi lắng dòng suối lân cận dự án.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.



6.2. Thiết kế chi tiết các hạng mục công trình xử lý môi trường, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng; Xây dựng hoàn chỉnh các công trình xử lý chất thải của Dự án và báo cáo kết quả đến cơ quan phê duyệt trước khi vào vận hành chính thức. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý của dự án được thải ra suối nhỏ chảy ra suối Ea Gang là nơi tiếp nhận nước thải của dự án, phải đảm bảo quy chuẩn về nước mặt; yêu cầu chủ dự án làm thủ tục cấp phép xả thải trước khi xả nước thải ra môi trường.

Các công trình bảo vệ môi trường phải được kè chắn kiên cố đảm bảo không xảy ra sự cố vì dự án nằm gần nguồn nước.

6.3. Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai dự án; phải thu gom, quản lý, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại, mùi hôi ra môi trường xung quanh; hệ thống xử lý nước thải phải có hệ thống thu gom nước mưa để tránh nước mưa chảy tràn vào các hồ xử lý nước thải gây ra sự cố môi trường.

- Chỉ được tích nước trong hồ dự phòng khi xảy ra các sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải.

6.4. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án. Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp, đảm bảo giảm thiểu hiệu quả các tác động tiêu cực do chất thải và mùi hôi phát sinh từ hoạt động thu gom, quản lý chất thải sinh hoạt.

6.5. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường, bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định.

6.6. Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra./*m*